

**PHẦN II**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**  
**QUÝ 3 NĂM 2006**

|           | <b>CHỈ TIÊU</b>                              | <b>Mã số</b> | <b>Số còn phải nộp kỳ trước</b> | <b>Số phát sinh phải nộp</b> | <b>Tổng số đã nộp trong kỳ</b> | <b>Số còn phải nộp chuyển kỳ sau</b> |
|-----------|----------------------------------------------|--------------|---------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Thuế (10=11+...+20)</b>                   | <b>10</b>    | <b>61,789,873</b>               | <b>315,906,129</b>           | <b>400,377,918</b>             | <b>(22,681,916)</b>                  |
| 1         | Thuế GTGT hàng bán nội địa                   | 11           | (15,764,764)                    | 5,450,708                    | 11,524,102                     | (21,838,158)                         |
| 2         | Thuế GTGT hàng nhập khẩu                     | 12           | -                               | 127,293,803                  | 127,293,803                    | -                                    |
| 3         | Thuế tiêu thụ đặc biệt                       | 13           | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| 4         | Thuế xuất, nhập khẩu                         | 14           | -                               | 25,206,694                   | 25,206,694                     | -                                    |
| 5         | Thuế thu nhập doanh nghiệp                   | 15           | -                               | 119,089,159                  | 200,511,469                    | (81,422,310)                         |
| 6         | Thu trên vốn                                 | 16           | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| 7         | Thuế tài nguyên (thuế nông nghiệp)           | 17           | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| 8         | Thuế nhà đất                                 | 18           | -                               | 17,341,500                   | 17,341,500                     | -                                    |
| 9         | Tiền thuế đất                                | 19           | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| 10        | Các loại thuế khác                           | 20           | 77,554,637                      | 21,524,265                   | 18,500,350                     | 80,578,552                           |
| -         | Thuế môn bài                                 |              | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| -         | Thuế thu nhập cá nhân                        |              | 77,554,637                      | 21,524,265                   | 18,500,350                     | 80,578,552                           |
| -         | Thuế khác                                    |              | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| <b>II</b> | <b>Các khoản phải nộp khác (30=31+32+33)</b> | <b>30</b>    | <b>-</b>                        | <b>2,640,000</b>             | <b>2,640,000</b>               | <b>-</b>                             |
| 1         | Các khoản phụ thu                            | 31           | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| 2         | Các khoản phí, lệ phí                        | 32           | -                               | -                            | -                              | -                                    |
| 3         | Các khoản khác (phạt HC nộp chậm)            | 33           | -                               | 2,640,000                    | 2,640,000                      | -                                    |
|           | <b>Tổng cộng</b>                             |              | <b>61,789,873</b>               | <b>318,546,129</b>           | <b>403,017,918</b>             | <b>(22,681,916)</b>                  |

Tổng số thuế còn phải nộp kỳ trước chuyển sang kỳ này

61,789,873 đồng

Trong đó : thuế thu nhập doanh nghiệp

- đồng

Lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 23/10/2006  
Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Tôn Hùng